

Bản án số: 08/2025/HNGĐ - PT

Ngày: 21/01/2025

V/v: *Chia tài sản chung vợ chồng
sau ly hôn*

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam.

Ông Nguyễn Văn Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Có mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1976. Có mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Anh Đỗ Ngọc H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm E N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm E N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

3. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm E N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;
5. Anh Nguyễn Đắc T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;
6. Anh Nguyễn Đăng T3, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố L, phường V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;
7. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn B, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt;

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:***

1. Ông Nguyễn Đắc T4, sinh năm 1954. Có mặt;
 2. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1955. Vắng mặt;
 3. Anh Nguyễn Đắc L, sinh năm 2001. Có mặt;
 4. Chị Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 2004. Vắng mặt;
- Cùng địa chỉ: Khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T:*** Luật sư Trương Xuân H2 – Văn phòng L2, Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: Số A, ngõ H, H, phường Ô, Đ, Hà Nội. Có mặt;

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đắc T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

**Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Đắc T kết hôn năm 1999, quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn vì vậy anh chị đã thuận tình ly hôn và được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2022/QĐST – HNGĐ ngày 11/3/2022.

Trước đó, quá trình chung sống vợ chồng, chị và anh T đã tạo lập được các tài sản chung là:

1. Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 27, diện tích 210m² tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh (*viết tắt là thửa đất số 141*), đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là giấy CNQSDĐ*) cho hộ ông Nguyễn Đắc T khoảng năm 2005 – 2006, nay được cấp lại giấy CNQSDĐ và quyền sở hữu nhà, tài sản trên đất mang tên ông Nguyễn Đắc T.

Thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ anh T là ông Nguyễn Đắc T4 và bà Nguyễn Thị T5 cho vợ chồng. Sau khi cưới một tháng thì ông T4, bà T5 cho vợ chồng ra ở riêng tại thửa đất số 141, khi đó chỉ là vườn trồng, không có tài sản gì. Năm 2000 vợ chồng xây ngôi nhà ngói 04 gian và công trình phụ, đến năm 2004

thì phá nhà ngói rồi xây nhà trần 02 tầng và công trình phụ, năm 2018 có sửa lại công trình phụ và ở đó cho đến khi ly hôn.

2. Thửa đất số 626, tờ bản đồ số 33, diện tích 100m² tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh hiện chưa được cấp giấy CNQSDĐ (viết tắt là thửa đất số 626).

Nguồn gốc thửa đất là khoảng năm 2004 – 2005 hộ gia đình chị được địa phương cấp đất giãn dân theo tiêu chuẩn hộ gia đình 04 người được cấp 01 suất đất. Khi đó, gia đình chị có 04 khẩu là chị, anh T, hai con là L và L1. Năm 2017 vợ chồng xây nhà trọ 06 tầng gồm 19 phòng trọ. Giá trị đất này khoảng 03 tỷ đồng, nhà trọ khoảng 01 tỷ đồng.

3. Năm 20200 vợ chồng mua 01 ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 99A – 39181, đăng ký xe đứng tên anh T, giá trị xe khoảng 400 triệu đồng. Hiện xe do anh T sử dụng.

Ngoài ra, không còn tài sản chung và nợ chung nào khác.

Khi ly hôn, anh chị xác định tự phân chia tài sản chung nêu trên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, đến nay chị và anh T vẫn không tự phân chia được các tài sản trên. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xác định: Quyền sử dụng thửa đất số 141 và các tài sản gắn liền với thửa đất số 141 (gồm: 01 nhà mái bằng, 01 tầng kết cấu bê tông cốt thép; 01 công trình phụ lợp tôn xộp; 01 mái che tôn thường; 01 sân lát gạch; tường gạch phía trên có rào sắt; cửa sắt và 01 ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 99A – 39181) là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và chia các tài sản trên theo quy định pháp luật. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với thửa đất số 626, sau khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì xác định thửa đất này hiện đang xây dựng chồng lấn lên các thửa đất bên cạnh, tình trạng này xảy ra đối với cả dãy nhà khu vực đó. Vì vậy, chị xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung hộ gia đình và rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với ngôi nhà xây trên đất này.

**Bị đơn là anh Nguyễn Đắc T trình bày:* Thửa đất số 141 có nguồn gốc của bà nội anh để lại cho bố anh là ông Nguyễn Đắc T4. Trước khi cưới chị H thì anh vẫn chung sống cùng gia đình là bà nội và bố mẹ anh. Năm 1994, bố anh giao cho anh sử dụng phần đất có diện tích 200m² cùng với bà nội, nay phần đất này là thửa đất số 141, từ đó anh có trách nhiệm nộp toàn bộ thuế sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính. Còn cụ thể sổ sách của địa phương theo dõi thế nào thì anh không nắm được.

Sau khi cưới vợ chồng ở chung cùng gia đình một thời gian rồi ra ở riêng tại thửa đất số 141, năm 2000 vợ chồng xây nhà ngói 04 gian và công trình phụ, năm 2018 sửa lại công trình phụ. Đất đã được cấp giấy CNQSDĐ cho anh ngày 13/10/2006. Hiện trên đất có các công trình như chị H trình bày. Anh xác định thửa đất số 141 là tài sản riêng của anh, được bố anh tặng cho riêng trước khi anh cưới chị H, anh chưa nhập vào tài sản chung của vợ chồng. Còn các tài sản trên đất là

tài sản chung của vợ chồng, anh đề nghị chia theo pháp luật, anh xin được ở nhà đất và trả giá trị tài sản cho chị H bằng tiền.

Đối với việc chị H xin rút yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình là thửa đất số 626 và tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nhà trên thửa đất số 626 nêu trên thì anh không có ý kiến gì.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 99A – 39181 mua trả góp năm 2020, đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng anh là người đứng tên và đang sử dụng. Sau khi ly hôn anh đã trả góp là 140 triệu đồng, đến nay không còn nợ nữa. Nay anh yêu cầu chị H phải trả anh 70.000.000 đồng tiền mua xe và đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo pháp luật.

- Về công nợ: Anh đã kê khai các khoản nợ chung của vợ chồng nhưng đến nay có một số chủ nợ chưa yêu cầu vợ chồng trả nợ nên anh xin rút lại yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ của anh Lam S, ông Nguyễn Thừa B và anh Nguyễn Kim Q1. Đối với các khoản nợ còn lại theo bản tự khai ngày 22/6/2023 mà các chủ nợ đã có đơn yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí. Nay các chủ nợ này cũng đều có đơn xin rút yêu cầu độc lập thì anh cũng đồng ý. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc là:*

Anh Đỗ Ngọc HI trình bày: Năm 2019, vợ chồng anh T làm nhà trọ, anh T có thuê anh thi công và mua các vật liệu sắt, thép, inox để làm nhà trọ. Sau khi làm nhà xong, anh T trả nợ dần anh nhiều lần, đến nay còn nợ anh 50.000.000 đồng. Anh yêu cầu anh T và chị H phải trả anh 50.000.000 đồng, anh không yêu cầu tiền lãi.

Anh Nguyễn Văn C trình bày: Năm 2019, vợ chồng anh T có vay của anh 50.000.000đ để làm nhà trọ. Khi vay hai bên không làm giấy tờ vay tiền, mà chỉ nói miệng với nhau, anh trực tiếp giao tiền cho anh T, không nói chuyện với chị H. Nay anh xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng nên anh yêu cầu anh T và chị H phải trả anh 50.000.000 đồng, anh không yêu cầu tiền lãi.

Anh Nguyễn Văn Q trình bày: Năm 2019, vợ chồng anh T có vay của anh 50.000.000đ để làm nhà trọ. Khi vay hai bên không làm giấy tờ vay tiền, mà chỉ nói miệng với nhau, anh trực tiếp giao tiền cho anh T, không nói chuyện với chị H. Nay anh xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng nên anh yêu cầu anh T và chị H phải trả anh 50.000.000 đồng, anh không yêu cầu tiền lãi.

Anh Nguyễn Hữu T1 trình bày: Năm 2020, anh T vay của anh 22.000.000đ để mua xe ô tô. Khi vay hai bên không làm giấy tờ vay tiền, mà chỉ nói miệng với nhau, anh trực tiếp giao tiền cho anh T, không nói chuyện với chị H. Nay anh xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng nên anh yêu cầu anh T và chị H phải trả anh 22.000.000 đồng, anh không yêu cầu tiền lãi.

Anh Nguyễn Đắc T2 trình bày: Năm 2020, anh T vay của anh 30.000.000đ để mua xe ô tô. Khi vay hai bên không làm giấy tờ vay tiền, mà chỉ nói miệng với nhau, anh trực tiếp giao tiền cho anh T, không nói chuyện với chị H. Nay anh xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng nên anh yêu cầu anh T và chị H phải trả anh 30.000.000 đồng, anh không yêu cầu tiền lãi.

Anh Nguyễn Đăng T3 trình bày: Anh với anh T có quan hệ làm ăn, cung cấp gỗ cho anh T đóng đồ mộc cho khách. Từ năm 2015 – 2018, anh T nhập gỗ của anh, sau đó trả nhiều lần và đến nay còn nợ là 22.000.000đ. Trên sổ sách của anh thì chỉ có anh T ký. Nay anh xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng nên anh yêu cầu anh T và chị H phải trả anh 22.000.000 đồng, anh không yêu cầu tiền lãi.

Anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh với anh T có quan hệ làm ăn, cung cấp gỗ cho anh T để anh T đóng đồ mộc. Từ năm 2014 – 2018, anh T nhập gỗ của anh, sau đó trả nhiều lần và đến nay còn nợ là 32.000.000đ. Trên sổ sách của anh thì chỉ có anh T ký. Nay anh xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng nên anh yêu cầu anh T và chị H phải trả anh 32.000.000 đồng, anh không yêu cầu tiền lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:*

Ông Nguyễn Đắc T4 và bà Nguyễn Thị T5 trình bày: Thừa đất số 141 là của mẹ đẻ ông T4 cho ông T4. Năm 1995, ông T4 cho anh T, việc tặng cho không có giấy tờ gì. Năm 1999, anh T, chị H cưới nhau rồi ở chung với ông bà một thời gian sau đó vợ chồng anh T ra ở riêng trên thửa đất 141. Năm 2000 xây nhà ngói 04 gian và công trình phụ, sửa lại năm 2018. Ông bà xác định thửa đất này là của ông T4 cho riêng anh T, không cho chị H. Ngoài ra, ông bà không có yêu cầu gì khác.

Anh Nguyễn Đắc L, chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Anh chị là con của anh T, chị H. Anh, chị đều không có công sức gì trong việc tạo lập, duy trì, tân tạo đối với thửa đất số 141 và các tài sản trên đất. Đối với việc mẹ anh chị rút yêu cầu Tòa án chia tài sản chung hộ gia đình đối với thửa đất số 626, anh chị không có ý kiến gì. Ngoài ra, anh chị không có yêu cầu gì khác.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 33/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ đã căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, 43, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với thửa đất 626, tờ bản đồ số 33 tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh và chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn đối với các tài sản gắn liền với thửa đất này.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là anh Nguyễn Đắc T về việc yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H trả số tiền 70.000.000 đồng là tiền anh Nguyễn Đắc T đã thanh toán tiền trả góp mua xe ô tô BKS 99A – 391.81 sau khi ly hôn.

3. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Ngọc H1 về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả anh số tiền 50.000.000 đồng.

4. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả anh số tiền 50.000.000 đồng.

5. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả anh số tiền 50.000.000 đồng.

6. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu T1 về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả anh số tiền 22.000.000 đồng.

7. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đắc T2 về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả anh số tiền 30.000.000 đồng.

8. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đăng T3 về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả anh số tiền 22.000.000 đồng.

9. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả anh số tiền 32.000.000 đồng.

10. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H:*

- Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 65m² đất, được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,3, thuộc thửa đất số 141, tờ bản đồ số 24 tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh trên đất có sân gạch (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

- Giao cho anh Nguyễn Đắc T được quyền sử dụng 145m² đất, được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,6,5,7,8,9,1, thuộc thửa đất số 141, tờ bản đồ số 24 tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh trên đất có 01 nhà mái bằng kết cấu bê tông cốt thép; 01 công trình phụ lợp tôn xộp; mái che tôn thường; sân lát gạch, ường gạch phía trên có rào sắt; cửa sắt. (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

- Anh Nguyễn Đắc T có nghĩa vụ tháo dỡ phần mái tôn, tường gạch phía trên có rào sắt nằm trên phần đất giao cho chị Nguyễn Thị H nêu trên.

- Giao cho anh Nguyễn Đắc T được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 99A – 391.81.

- Anh Nguyễn Đắc T phải trích trả chị Nguyễn Thị H số tiền chênh lệch khi chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn là 79.738.000 (Bảy mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

- Ông Nguyễn Lê N1, ông Phạm Quốc T6 có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/7/2024, anh Nguyễn Đắc T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị H và anh T hòa giải và tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Đắc T được quyền sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 24, diện tích 210m² tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất 626, tờ bản đồ số 33 tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất này và có nghĩa vụ trích trả anh Nguyễn Đắc T số tiền là 800.000.000 triệu đồng.

Anh Nguyễn Đắc T được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 99A – 391.81.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đắc T.

- Giao cho anh Nguyễn Đắc T được quyền sử dụng thửa đất số 141 và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất 626 và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất nhưng chị H có nghĩa vụ trích trả anh T tiền chênh lệch tài sản là 800.000.000 triệu đồng.

Anh Nguyễn Đắc T được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 99A – 391.81.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Anh Nguyễn Đắc T không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Đắc T trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Chị H và anh T đã tự nguyện kết hôn năm 1999 và ly hôn năm 2022. Ngày 09/05/2023, chị H có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 141 và các tài sản gắn liền với đất; xe ô tô. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ.

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T, chị H và cháu L thống nhất: Thửa đất số 626 được cấp theo tiêu chuẩn của 04 người là anh T, chị H và 2 con là L, L1. Giá trị đất là 03 tỷ đồng nên anh T, chị H cháu L, cháu L1 mỗi người được $\frac{1}{4}$ giá trị thửa đất là 750.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*); các đương sự đều đồng ý giao cho chị H sử dụng thửa đất số 626.

Do tại phiên tòa, anh T và chị H đã thỏa thuận về việc chia thửa đất số 626 nên quyền lợi của cháu L và cháu L1 trong thửa đất số 626 sẽ được giải quyết giữa cháu L, cháu L1 với chị H trong một vụ án dân sự khác khi các cháu có yêu cầu.

Phần tài sản trên thửa đất số 626 là ngôi nhà 6 tầng gồm 19 phòng trọ trị giá khoảng 01 tỷ đồng là do vợ chồng làm năm 2017, các con không đóng góp nên anh T và chị H mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, do hiện trạng sử dụng thửa đất số 626 chưa đúng với bản đồ địa chính nên chị H phải chấp nhận việc điều chỉnh bản đồ địa chính sao cho phù hợp với quy hoạch chung của địa phương và thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

[2.2]. Sau khi đối trừ giá trị giữa các tài sản thì anh T và chị H tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Đắc T được quyền sử dụng thửa đất số 141 và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất 626 và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất nhưng chị H có nghĩa vụ trích trả anh T tiền chênh lệch tài sản là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

- Anh Nguyễn Đắc T được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 99A – 391.81.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5]. Án phí: - Anh Nguyễn Đắc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá trị

tài sản được chia. Miễn một phần án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị H.

- Do sửa bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Đắc T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Đắc T. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đắc T:

- Giao cho chị Nguyễn Thị H sử dụng thửa đất số 626, tờ bản đồ số 33, diện tích 100m² tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh và được sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất là ngôi nhà 06 tầng gồm 19 phòng trọ có tổng giá trị là 4.000.000.000đ (*Bốn tỷ đồng*). Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trích trả tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Đắc T là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

Chị Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý bản đồ địa chính và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính (nếu có).

- Giao cho anh Nguyễn Đắc T sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 27, diện tích 210m² tại khu phố G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đắc T. Anh T được sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất là: 01 nhà mái bằng kết cấu bê tông cốt thép, 01 công trình phụ lợp tôn xộp, mái che tôn thường, sân gạch, tường gạch phía trên có rào sắt, cửa sắt. Anh Nguyễn Đắc T được sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 99A – 391.81 và được nhận 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*) do chị Nguyễn Thị H trích trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí:

- Anh Nguyễn Đắc T phải chịu 44.801.862 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được

khấu trừ 2.050.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001951 ngày 26/4/2024 và số 0002136 ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ.

- Miễn một phần án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị H, chị H phải chịu 53.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 53.500.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001407 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai